

Phụ lục I

Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1. Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (Mã số TTHC: 3.000496). Thời gian xử lý:

- Trường hợp 1 (TH1): 24 giờ làm việc (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu).
- Trường hợp 2 (TH2): 120 giờ nếu cần kiểm tra xác minh
- Trường hợp 3 (TH3): 192 giờ đối với các loài thuộc Phụ lục I-CITES
- Trường hợp 4 (TH4): 72 giờ đối với các loài thuộc PL CITES nhưng không phân bố ở Việt Nam).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp, tiếp nhận hồ sơ; Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES đến Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh An Giang	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (TN&TQK) Sở Nông nghiệp và Môi trường (SNNMT) tại TTPVHCC tỉnh An Giang	02 giờ làm việc	- Mẫu số 27 Phụ lục Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT; - Phương án nuôi theo Mẫu số 19 hoặc Mẫu số 28 Phụ lục Thông tư số 27/TT-BNNMT; - Phương án nuôi theo Mẫu số 19, hoặc Mẫu số 28 Phụ lục Thông tư số 27/2025/BNNMT.

Bước 2	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản	Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR)	02 giờ làm việc	
Bước 3	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR tổ chức thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm xem xét, phê duyệt; trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân (trừ một số trường hợp phải thẩm tra xác minh, hoặc các loài động - thực vật thuộc PL I CITES, hoặc các loài thuộc PL CITES nhưng không phân bố tại Việt Nam).			
3.1	Tổ chức thẩm định	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR	- TH1: 14 giờ làm việc - TH2: 110 giờ làm việc nếu cần kiểm tra xác minh - TH3: 182 giờ làm việc đối với các loài thuộc Phụ lục I-CITES	Báo cáo Đề nghị/Biên bản

			- TH4: 62 giờ làm việc đối với các loài thuộc PL CITES nhưng không phân bố ở Việt Nam	
3.2	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	04 giờ làm việc	Mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng Mẫu số 29 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT
Bước 4	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	02 giờ làm việc	Mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TQK SNNMT tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng

2. Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý (Mã số TTHC: 3.000501); 208 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp, tiếp nhận hồ sơ; Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ “thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án	Bộ phận TN&TKQ SNNMT tại	02 giờ làm việc	- Mẫu số 01 tại Phụ lục IB (PL IB) Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính);

	nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý đến Bộ phận TN&TKQ tại TTPVHCC	TTPVHCC tỉnh An Giang		- Mẫu số 02 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính); - Các loại bản đồ theo TCVN số 11565:2016; bản đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch
Bước 2	Bộ phận TN & TKQ tại TTPVHCC trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết để hoàn thiện và nêu rõ lý do.	Phòng Kế hoạch Tài chính (KHTC)/Chi cục Kiểm lâm (CCKL)	02 giờ làm việc	
Bước 3	Thẩm định		146 giờ làm việc	
3.1	Gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng	Phòng KHTC/CCKL	36 giờ làm việc	Văn bản
3.2	Nhận, tổng hợp ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Phòng KHTC/CCKL	56 giờ làm việc	Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp
3.3	Hoàn thành thẩm định. Trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do	Phòng KHTC/CCKL	56 giờ làm việc	Báo cáo Tờ trình

Bước 4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	56 giờ làm việc	Mẫu số 03 tại PL IB Nghị định số 183/2025/NĐ-CP
Bước 5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư VPUBND tỉnh	02 giờ làm việc	
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ SNNMT tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	

3. Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (Mã số TTHC: 1.011470), Thời gian xử lý:

- Trường hợp 1 (TH1): 56 giờ làm việc đối với hồ sơ hợp lệ
- Trường hợp 2 (TH2): 80 giờ làm việc đối với trường hợp cần xác minh

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Gửi hồ sơ; Chủ rừng, chủ lâm sản, chủ dự án hoặc tổ chức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ tại TTPVHCC	Chủ rừng, chủ lâm sản, chủ dự án hoặc tổ chức	02 giờ làm việc	- Mẫu số 09 Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT; - Mẫu số 07 Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT; - Bản sao các tài liệu đối với trường hợp khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ.

Bước 2	Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; Bộ phận TN&TKQ tại TTPVHCC kiểm tra tính hợp lệ của thành phần hồ sơ, trả lời ngay đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, thông báo bằng văn bản cho Chủ rừng, chủ lâm sản, chủ dự án hoặc tổ chức và nêu rõ lý do.	Bộ phận TN&TKQ SNNMT tại TTPVHCC tỉnh An Giang	02 giờ làm việc	
Bước 3	Thẩm định (Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về việc xác minh. Trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do).	Chi cục Kiểm lâm	- TH1: 42 giờ làm việc - TH2: 66 giờ làm việc	Dự thảo báo cáo thẩm định/Tờ trình
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	4 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định/Tờ Trình
Bước 5	Xem xét, phê duyệt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4 giờ làm việc	Mẫu số 11 Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.
Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư VPUBND tỉnh	02 giờ làm việc	

Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ SNNMT tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	
---------------	-------------	---	-------------------	--

4. Xác nhận bằng kê lâm sản (Mã số TTHC: 1.000045); Trường hợp không cần phải xác minh (TH1): 16 giờ làm việc; Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản (TH2): 24 giờ làm việc; Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp (TH3): 32 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp hồ sơ	Chủ lâm sản hoặc tổ chức, cá nhân được chủ lâm sản ủy quyền	Giờ hành chính	Mẫu số 01; Mẫu số 03; Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm.	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	1 giờ làm việc	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn bổ sung hồ sơ. - Nếu hồ sơ hợp lệ: Tiến hành thẩm định, kiểm tra thực tế về số lượng loài nuôi đối	Đội kiểm lâm cơ động và PCCCR	- TH1: 12 giờ làm việc - TH2: 20 giờ làm việc - TH3: 28 giờ làm	Biên bản kiểm tra lâm sản; kèm theo hồ sơ đăng ký mã số cơ sở nuôi.

	chiếu hồ sơ, kiểm tra về chuồng trại, vệ sinh môi trường... Sau khi kiểm tra thực tế phải tiến hành lập biên bản kèm theo hồ sơ đăng ký mã số cơ sở nuôi. - Xem xét hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy phép trình lãnh đạo.		việc	
Bước 4	Phê duyệt (sau khi có Đề nghị cấp mã số cơ sở).	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	2 giờ làm việc	Mã số cơ sở nuôi trồng; Mẫu số 04/ số 07/số 26 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT
Bước 5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	1 giờ làm việc	
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Mã số cơ sở nuôi trồng

5. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (Mã số TTHC: 1.000047); 48 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư	Giờ hành chính	Mẫu số 09; số 12 Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm.	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	02 giờ làm việc	
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức/lãnh đạo phòng nghiệp vụ lâm nghiệp	42 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định/ tờ trình
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	03 giờ làm việc	Phê duyệt Phương án
Bước 5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	01 giờ làm việc	
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Phương án

6. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (Mã số TTHC: 3.000160). Trường hợp không kiểm tra, xác minh (TH1): 40 giờ làm việc; Trường hợp phải kiểm tra, xác minh (TH2): 104 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp hồ sơ; Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp: Doanh nghiệp đăng ký vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp tự kê khai.	Doanh nghiệp	Giờ hành chính	Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP
	Trường hợp doanh nghiệp không ứng dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc bưu điện 01 bộ hồ sơ tới TTPVHCC tỉnh An Giang.	Doanh nghiệp	Giờ hành chính	Mẫu số 08 PL I Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ.
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm.	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	02 giờ làm việc	

	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan tiếp nhận nhập hồ sơ của doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; và thông báo đến doanh nghiệp, lưu trữ tài liệu đăng ký theo quy định	Đội kiểm lâm cơ động và PCCCR/Chi cục Kiểm lâm		Mẫu số 18 Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Công chức/lãnh đạo Đội kiểm lâm cơ động và PCCCR.	- TH1: 34 giờ làm việc -TH2: 98 giờ làm việc	Báo cáo/Đề nghị
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	03 giờ làm việc	Thông báo phân loại doanh nghiệp (Mẫu số 21 Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT).
Bước 5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	01 giờ làm việc	
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Thông báo phân loại doanh nghiệp (Mẫu số 21 Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT).

7. Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên (Mã số TTHC: 1.008672); 144 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành	Mẫu số 04 và số 05 Phụ lục

			chính	II Thông tư số 27/TT-BNNMT.
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Phòng Kế hoạch Chi cục Kiểm lâm.	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh	02 giờ làm việc	Mẫu số 04 và số 05 Phụ lục II Thông tư số 27/TT-BNNMT.
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Phòng KHTC/CCKL	102 giờ làm việc	Dự thảo Báo cáo thẩm định/Tờ trình
Bước 4	Xem xét lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	16 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định/Tờ trình
Bước 5	Phê duyệt UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	20 giờ làm việc	Quyết định
Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư VP UBND tỉnh	04 giờ làm việc	Quyết định
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Quyết định/hồ sơ

8. Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Mã số TTHC: 1.008675); 120 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	- Đơn đề nghị (Mẫu số 15 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT). - Sổ theo dõi (Mẫu số 07 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT). - Thỏa thuận trao đổi, tặng (Mẫu số 16 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT).
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Phòng Kế hoạch Tài chính Chi cục Kiểm lâm.	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	02 giờ làm việc	- Đơn đề nghị (Mẫu số 15 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT). - Sổ theo dõi (Mẫu số 07 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT). - Thỏa thuận trao đổi, tặng (Mẫu số 16 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT).
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Phòng KHTC/CCKL	98 giờ làm việc	Dự thảo Báo cáo thẩm định/Tờ trình
Bước 4	Xem xét lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	8 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định/Tờ trình
Bước 5	Phê duyệt UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	8 giờ làm việc	Giấy phép (Mẫu số 17 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)

Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư VP UBND tỉnh	04 giờ làm việc	Giấy phép (Mẫu số 17 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Giấy phép (Mẫu số 17 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)/hồ sơ

9. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mã số TTHC: 1.008682); 216 giờ làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả/biểu mẫu
Bước 1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	- Đơn đề nghị (Mẫu số 20 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT. - Dự án thành lập (Mẫu số 21 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT.
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về phòng Kế hoạch Tài chính Chi cục Kiểm lâm.	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	02 giờ làm việc	- Đơn đề nghị (Mẫu số 20 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT. - Dự án thành lập (Mẫu số 21 PL II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT.
Bước 3	Thẩm định hồ sơ	Phòng KHTC/CCKL	174 giờ làm việc	Dự thảo Báo cáo thẩm định/Tờ trình

Bước 4	Xem xét lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	24 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định/Tờ trình
Bước 5	Phê duyệt UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	14 giờ làm việc	Giấy chứng nhận (Mẫu số 22 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)
Bước 6	Đóng dấu, phát hành	Văn thư VP UBND tỉnh	02 giờ làm việc	Giấy chứng nhận (Mẫu số 22 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)
Bước 7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận (Mẫu số 22 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)/hồ sơ

10. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES (Mã số TTHC: 1.004815)

- Trường hợp 1 (TH1): 24 giờ làm việc đối với hồ sơ hợp lệ (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu).

- Trường hợp 2 (TH2): 120 giờ nếu cần kiểm tra, xác minh

- Trường hợp 3 (TH3): 192 giờ đối với các loài thuộc Phụ lục I-CITES

- Trường hợp 4 (TH4): 72 giờ đối với các loài thuộc PL CITES nhưng không phân bố ở Việt Nam).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Chủ cơ sở nuôi		- Đề nghị (Mẫu số 27 Thông tư

			Giờ hành chính	số 27/2025/TT-BNNMT) - Phương án (Mẫu số 19/Mẫu số 28 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT) - Trường hợp đăng ký nuôi, trồng loài thuộc Phụ lục Công ước CITES để xuất khẩu (Mẫu số 19/Mẫu số 28 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ: Tiếp nhận và ra Giấy TN&TKQ, chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm.	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	04 giờ làm việc	- Đề nghị (Mẫu số 27 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT) - Phương án (Mẫu số 19/Mẫu số 28 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT) - Trường hợp đăng ký nuôi, trồng loài thuộc Phụ lục Công ước CITES để xuất khẩu (Mẫu số 19/Mẫu số 28 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT)
Bước 3	Thẩm định hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn bổ sung hồ sơ. - Nếu hồ sơ hợp lệ: Tiến hành thẩm định, kiểm tra thực tế về số lượng loài nuôi đối chiếu hồ sơ, kiểm tra về chuồng trại, vệ sinh môi trường... Sau khi kiểm tra thực tế phải tiến hành lập biên bản kèm theo hồ sơ đăng ký mã số cơ sở nuôi. - Xem xét hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy phép trình lãnh đạo.	Công chức chuyên môn Chi cục Kiểm lâm	- TH1: 16 giờ làm việc - TH2: 112 giờ làm việc nếu cần kiểm tra xác minh - TH3: 184 giờ làm việc đối với các loài thuộc Phụ lục I-	Biên bản kiểm tra lâm sản; kèm theo hồ sơ đăng ký mã số cơ sở nuôi.

			CITES - TH4: 64 giờ làm việc đối với các loài thuộc PL CITES nhưng không phân bố ở Việt Nam	
Bước 4	Phê duyệt (sau khi có Đề nghị cấp mã số cơ sở).	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	03 giờ làm việc	Mã số cơ sở nuôi trồng
Bước 5	Đóng dấu, phát hành	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	01 giờ làm việc	
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC tỉnh An Giang	Giờ hành chính	Mã số cơ sở nuôi trồng